TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 598/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hòa
2. Bà Võ Thị Hồng Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q: Bà ***Nguyễn Hồng Phúc*** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc Q - sinh năm: 1993

Địa chỉ: Đường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H - sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ A, khu vực B, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc Q trình bày :

Chị Q và anh H tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2013 tại UBND phường N, thành phố Q. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chị đã cố gắng nhẫn nhịn vì con. Vợ chồng chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 6 năm 2015. Đến tháng 10/2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh H, nhưng được sự hòa giải, động viên của Tòa và chị cũng muốn tạo điều kiện, cơ hội cho anh H sửa đổi, khắc phục thiếu sót nên chị rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn, từ tháng 12/2016 cho đến nay anh H vẫn không thay đổi, vẫn tính nào tật đó không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau, chị và con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Khánh N về sống tại nhà cha mẹ ruột chị, còn anh H sống ở nhà cha mẹ ruột anh H nên chị nhận thấy hiện nay tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị làm đơn xin được ly hôn anh Huỳnh Văn H để ổn định cuộc sống riêng.

Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung: cháu Huỳnh Nguyễn Khánh N, sinh ngày 15/09/2013, sức khỏe bình thường, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn H: không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

Ý kiến đại diện VKSND TP. Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc Q về việc xin ly hôn anh Huỳnh Văn H và nuôi dưỡng con chung, tài sản chung không giải quyết; án phí chị Q phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Chị Q và anh H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Q ngày 21.10.2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn với anh H nên căn cứ khoản 1 điều 28 BLTTDS - 2015 vụ án có quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q xin ly hôn anh H, còn anh H không đến Tòa làm việc; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai không được của anh H, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho anh H nhưng anh H đều không đến Tòa. Đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa xét

Chị Q và anh H kết hôn ngày 21.10.2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, nợ nần tiền bạc, chị đã cố gắng nhẫn nhịn vì con, việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình đứng ra can thiệp giải quyết nhưng không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2015 thì trở nên căng thẳng và hai anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặt khác, anh H không đến Tòa hòa giải, điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, chị Q xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về quan hệ con chung:

Ly hôn chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn Khánh N, sinh ngày 15/09/2013.

Xét thấy:

Lâu nay chị Q vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; cháu N là con gái nên để bảo đảm cuộc sống cũng như ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Tòa không xem xét giải quyết.

2.4. Về quan hệ tài sản chung:

Chị Q không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Nhận định ý kiến đại diện VKSNDTP. Q tham dự phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện VKSNDTP. Q tham dự phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lê phí Tòa án.

Chị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc Q xin ly hôn anh Huỳnh Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

- Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Trúc Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nguyễn Khánh N, sinh ngày 15/09/2013.

- *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST:

Chị Nguyễn Thị Trúc Q phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004302 ngày 14.02.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP.Q. Chị Q đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính tứ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Đông Thiên